

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NB
TỈNH NB**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/HS-ST

NHÂN DANH

Ngày: 20 - 5 - 2020

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NB, TỈNH NB

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Sâm.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thịnh

Bà Đồng Thị Thanh Hương.

-Thư ký phiên toà: Bà Tô Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NB, tỉnh NB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NB tham gia phiên toà: Ông Trần Đăng Chuẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NB, tỉnh NB xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2020/TLST- HS ngày 27 tháng 03 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lý Văn T** (tên gọi khác: không), sinh năm 1997, tại Cao Bằng; Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn Đoong Giài, xã C, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Văn M và bà: Nông Thị C; Vợ, con: chưa có; tiền sự: không;

Nhân thân: Năm 2012 Công an huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

Tiền án: Ngày 25/5/2017 Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ra trại ngày 29/3/2018.

Ngày 15/11/2018 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ra trại ngày 01/12/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/12/2019 chuyển tạm giam hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh NB cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Anh Phan Văn K, sinh năm 2001; Trú tại: Xã G, huyện GV, tỉnh NB (vắng mặt);

- Người làm chứng: Anh Trần Thanh H, sinh năm 1995 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Văn T và Phạm Đình D, trú tại xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa là bạn bè và có mối quan hệ quen biết từ trước với anh Lê Văn H, trú tại số 10, đường Thành Thái, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 15/12/2019, anh H tổ chức đám cưới tại gia đình nhà vợ ở thôn Đông Hạ, xã NP, thành phố NB nên mời Lý Văn T và Phạm Đình D về dự. Do không có tiền tiêu sài cá nhân nên T và D nảy sinh ý định khi về Thành phố NB ăn cưới xong sẽ tìm tài sản sơ hở để cùng nhau trộm cắp bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Khoảng 17 giờ ngày 14/12/2019, T cùng D ra chợ trời ở Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội mua thanh sắt về tự chế thành 01 văm phá khóa có đặc điểm phần đầu là thanh kim loại đường kính khoảng 0,4 cm dài khoảng 5cm một đầu dẹp được mài nhọn phần nối tiếp với phần còn lại của văm là hình lục giác, cần xoay bằng thanh sắt kim loại màu trắng đường kính khoảng 0,4 cm, dài khoảng 10cm, xuyên qua 01 ống sắt dài khoảng 05cm màu trắng có đường kính 0,5cm, một đầu của ống sắt có hình lục giác. Khoảng 03 giờ ngày 15/12/2019, Phạm Đình D điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave màu đỏ chở Lý Văn T ngồi sau mang theo chiếc văm phá khóa đi từ Hà Nội về xã NP, thành phố NB để dự đám cưới anh H. Khoảng 19 giờ ngày 15/12/2019, sau khi ăn cỗ đám cưới nhà anh H xong, D điều khiển xe mô tô chở T ngồi sau đi theo hướng đường Quốc lộ 10 lên đường Trần Hưng Đạo, thành phố NB, tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến khu vực Ngân hàng Vietcombank NB thuộc phường H, thành phố NB, T phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Dream dựng trên vỉa hè nên bảo D dừng xe và đứng cách đó một đoạn đợi T, T xuống xe đi đến gần chỗ dựng chiếc xe máy thì thấy có nhiều người qua lại không thuận tiện cho việc trộm cắp tài sản, nên T đi tiếp vào ngõ của phường H tìm tài sản. Khi đi đến trước cửa số nhà 40, ngõ 74, đường H, phố 9, phường H, thành phố NB, Lý Văn T phát hiện 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave màu trắng bạc đen biển kiểm soát 35N1 - 066.53 của anh Phan Văn K, trú tại xã G, huyện GV, tỉnh NB đang dựng tại đây. Quan sát không có người trông coi, T đi đến chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35N1 - 066.53 lấy chiếc văm phá khóa để trong túi quần, tra vào ổ khóa điện xoay theo chiều kim đồng hồ, khi đèn sáng T gạt chân chống ngồi lên xe vừa đẩy, vừa đề nổ máy nhưng xe không nổ. Lúc này, anh K đang ở trong salon tóc “Hải Petty” thuộc phố 10, phường H, thành phố NB phát hiện chạy ra hô hoán. Thấy vậy T rút văm bỏ vào túi quần phải và vắt xe lại bỏ chạy ra đường H hướng ra đường Trần Hưng Đạo thì bị Công an phường H phối hợp cùng quần chúng nhân dân đuổi theo bắt giữ. Công an phường H thu giữ trong túi quần bên phải của T 01 văm phá khóa có đặc điểm bằng thanh sắt kim loại màu trắng đường kính khoảng 0,4 cm, dài khoảng 10cm, xuyên qua 01 ống sắt dài khoảng 05cm màu trắng có đường kính

0,5cm, một đầu của ống sắt có hình lục giác và 01 chiếc mũ bảo hiểm loại đội nửa đầu màu đỏ nhãn hiệu Andis của T. Phần đầu của Vam phá khóa trên đường bỏ chạy T làm rơi mất. Công an phường H đã đưa Lý Văn T cùng tang vật về trụ sở lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Ngoài ra còn thu giữ tại hiện trường 01 xe mô tô hiệu Honda Wave anpha màu trắng bạc đen biển kiểm soát 35N1-066.53 và 01 mũ bảo hiểm loại đội nửa đầu nhãn hiệu Canaly màu đen.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KLĐG ngày 16/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố NB kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu trắng bạc đen biển kiểm soát 35N1 - 066.53 trị giá là 9.350.000 đồng (Chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra bị cáo Lý Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 57/CT- VKS ngày 25 tháng 03 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố NB truy tố bị cáo Lý Văn T ra trước Tòa án nhân dân thành phố NB để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng, không thay đổi bổ sung gì. Căn cứ tính chất mức độ phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

T bố bị cáo Lý Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Lý Văn T từ 30 tháng đến 36 tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại anh Phan Văn K đã nhận lại đầy đủ và không yêu cầu bồi thường gì, nên trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Lý Văn T từ 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu đỏ đã cũ của bị cáo Lý Văn T không còn giá trị sử dụng; 01 vam phá khóa có đặc điểm bằng thanh sắt kim loại màu trắng đường kính khoảng 0,4cm dài khoảng 10cm, xuyên qua 01 ống sắt dài khoảng 05cm màu trắng có đường kính 0,5cm, một đầu của ống sắt có hình lục giác.

Về án phí: Bị cáo Lý Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Lý Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng, không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố NB, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố NB, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, hình phạt đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật chứng thu giữ là chiếc xe máy, bản kết luận định giá tài sản... Từ những chứng cứ nêu trên đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 15/12/2019 tại khu vực trước cửa số nhà 40, ngõ 74, đường H, phố 9, phường H, thành phố NB, bị cáo Lý Văn T đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Phan Văn K 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu trắng bạc đen biển kiểm soát 35N1- 066.53 có giá trị là 9.350.000đồng. Hành vi của bị cáo Lý Văn T đã có đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự an toàn xã hội trên địa bàn NB, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, chứng tỏ bất chấp coi thường pháp luật. Để đảm bảo trật tự, an toàn xã hội cũng như có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung thì việc truy tố, xét xử và buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết. Hội đồng xét xử thấy hành vi, tội danh, điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Vì vậy khi quyết định hình phạt cần căn cứ tình tiết tăng nặng, giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Bị cáo Lý Văn T đã nhiều lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản, tại bản án ngày 15/11/2018 bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích, do vậy lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo học tập, lao động, cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo làm nghề lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu trắng bạc đen biển kiểm soát 35N1- 066.53 và 01 mũ bảo hiểm loại đội nửa đầu nhãn hiệu Canaly màu đen là tài sản của anh Phan Văn K. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại anh Phan Văn K đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có yêu cầu bồi thường đề nghị gì khác, nên phần trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

- Đối với 01 chiếc mũ bảo hiểm loại đội nửa đầu nhãn hiệu Andis màu đỏ của Lý Văn T đã cũ không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy; 01 văm phá khóa có đặc điểm bằng thanh sắt kim loại màu trắng đường kính khoảng 0,4cm dài khoảng 10cm, xuyên qua 01 ống sắt dài khoảng 05cm màu trắng có đường kính 0,5cm, một đầu của ống sắt có hình lục giác, đây là công cụ mà bị cáo sử dụng vào việc trộm cắp tài sản, do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với phần đầu của chiếc văm phá khóa trên đường bỏ chạy bị cáo T làm rơi mất, Công an đã rà soát kiểm tra nhưng không thu giữ được.

Trong vụ án này còn có Phạm Đình D, trú tại xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình điều tra xác định chiều tối ngày 15/12/2019 Phạm Đình D có chở bị cáo T bằng xe mô tô đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp, bị cáo T không nhớ đặc điểm xe mô tô của D. Ngoài ra khi bị cáo T trộm cắp chiếc xe mô tô của anh Phan Văn K, D đã bỏ đi. Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập Phạm Đình D, hiện tại D không có mặt tại địa phương đi đâu, làm gì gia đình không rõ. Ngoài lời khai của bị cáo T không còn tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh hành vi của

Phạm Đình D, do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố NB đã tách phần tài liệu liên quan đến Phạm Đình D để điều tra xử lý sau.

[4] Về án phí: Bị cáo Lý Văn T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

T bố: Bị cáo Lý Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lý Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc mũ bảo hiểm loại đội nửa đầu nhãn hiệu Andis màu đỏ đã cũ của bị cáo Lý Văn T không còn giá trị sử dụng; 01 vạm phá khóa tự chế có đặc điểm bằng thanh sắt kim loại có đường kính khoảng 0,4cm dài khoảng 10cm, xuyên qua một thanh sắt kim loại có dài khoảng 0,5cm, đường kính 0,5cm. (Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/4/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố NB và Chi cục thi hành án dân sự thành phố NB).

3. Về án phí: Bị cáo Lý Văn T phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án; Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự: “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND- TPNB;
- Sở tư pháp tỉnh NB;
- THADS- TPNB;
- THAHS;
- Công an TPNB;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn./.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Trần Thị Sâm